Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Email: ubnd@khanhhoa.gov.vn
Ngày ký: 20-03-2023 09:42:44 +07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH KHÁNH HÒA | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 61 /BC-UBND | *Khánh Hòa, ngày 17 tháng 3 năm 2023* |

# BÁO CÁO
## Kết quả công tác cải cách hành chính quý I năm 2023 của tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (gọi tắt là CCHC) định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ tại Văn bản số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022, UBND tỉnh Khánh Hòa báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC quý I/2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

## I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

### 1. Chỉ đạo, điều hành CCHC

Căn cứ chương trình CCHC tỉnh giai đoạn 2021-2030[1]; kế thừa, phát huy những kết quả CCHC đạt được từ năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch CCHC tỉnh năm 2023[2], đề ra 12 mục tiêu trọng tâm, 64 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phân định rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan, đơn vị phối hợp, thời hạn, kết quả trên 06 lĩnh vực CCHC và công tác chỉ đạo, điều hành. Trọng tâm CCHC năm 2023 là tiếp tục thực hiện quyết liệt cải cách thể chế, thủ tục hành chính (gọi tắt là TTHC), đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; thực hiện các biện pháp tạo chuyển biến căn bản chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch thu ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công; cải thiện và nâng cao các Chỉ số PAR-INDEX, SIPAS, PCI, PAPI;... Triển khai kế hoạch CCHC tỉnh, UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực thi trên các lĩnh vực, nội dung công tác để điều hành đồng bộ, toàn diện công tác CCHC, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả; các cơ quan, đơn vị đã ban hành kế hoạch CCHC năm 2023 để cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và triển khai theo thẩm quyền.

Trong quý I/2023, tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức nhiều hội nghị, cuộc họp quan trọng về CCHC, điểm lại như: Hội nghị tổng kết công tác CCHC tỉnh năm 2022 và triển khai kế hoạch CCHC tỉnh năm 2023; họp Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh để tự đánh giá xác định chỉ số CCHC năm 2022 gửi Hội đồng thẩm định trung ương;...tham dự hội nghị trực tuyến của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ phiên thứ ba năm 2022.

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 10 văn bản CCHC quan trọng để triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn triển khai CCHC của trung ương; chỉ đạo các cơ quan tiếp tục đẩy mạnh CCHC một cách toàn diện trên tất cả lĩnh vực, nội dung CCHC. Điểm lại một số văn bản nổi bật như: (1) Chương trình hành động triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 18/10/2022 của

[1] Quyết định số 4831/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh
[2] Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBD tỉnh

Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước[3]. (2) Thông báo kết luận hội nghị tổng kết công tác CCHC năm 2022 và quán triệt triển khai kế hoạch CCHC tỉnh năm 2023[4], chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để tạo chuyển biến tích cực về chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác CCHC. (3) Các văn bản quán triệt, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh, không được yêu cầu công dân cung cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện TTHC[5]. (4) Chỉ thị về đẩy mạnh triển khai hoá đơn điện tử, hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trên địa bàn tỉnh[6]. (6) Văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường quản lý sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị[7]. (7) Văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy nhanh tiến độ thu ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công[8];...

Theo thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị triển khai cụ thể các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác CCHC: Tổ chức hội nghị tổng kết công tác CCHC năm 2022 để đánh giá cụ thể những mặt đạt được, hạn chế, tồn tại, xác định phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023; kiện toàn tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC, Bộ phận Một cửa; sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động Bộ phận Một cửa; ban hành quy tắc ứng xử của công chức, viên chức; họp ban chỉ đạo CCHC, giao ban định kỳ về CCHC; thực hiện các giải pháp khắc phục hạn chế, thiếu sót, nâng cao chỉ số và xếp hạng CCHC; tiếp tục nâng cao chỉ số PCI, chỉ số PAPI; ban hành kế hoạch, bộ khung nhiệm vụ cải thiện và nâng cao Chỉ số PAPI; ban hành kế hoạch triển khai chương trình hành động triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 18/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; quán triệt, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị không được yêu cầu công dân cung cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện TTHC; nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ TTHC, giảm tỉ lệ hồ sơ trễ hạn; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện số hóa kết quả giải quyết hồ sơ TTHC; tăng cường kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính; đánh giá kết quả giải quyết hồ sơ TTHC định kỳ; tiếp nhận, xử lý và phản hồi thắc mắc, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến việc giải quyết hồ sơ TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến;…

**2. Kiểm tra CCHC**

Trong năm 2022, Đoàn Kiểm tra CCHC tỉnh kiểm tra công tác CCHC tại 33 cơ quan, đơn vị, hoàn thành 100% kế hoạch đề ra (11 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; 06 UBND cấp huyện; 04 cơ quan ngành dọc; 02 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; 03 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; 08 UBND cấp xã). Nội dung kiểm tra gồm: Kiểm tra toàn diện công tác CCHC; kiểm tra chuyên đề tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trên phần mềm một cửa điện tử; kiểm tra chuyên đề tài chính công.

---

[3] Chương trình hành động số 12823/CTr-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh
[4] Thông báo số 90/TB-UBND ngày 09/03/2023 của UBND tỉnh
[5] Các Văn bản số 402/UBND-KSTT ngày 12/01/2023, 404/UBND-KSTT ngày 12/01/2023, 1933/UBND-KSTT ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh
[6] Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh
[7] Văn bản số 1206/UBND-KT ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh
[8] Văn bản số 2210/UBND-KT ngày 10/03/2023 của UBND tỉnh

Kết quả kiểm tra CCHC cho thấy công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị tiếp tục có chuyển biến tích cực, đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh khối lượng công việc ngày càng tăng nhưng phải thực hiện chính sách tinh giản biên chế (chịu áp lực rất lớn từ yêu cầu ngày càng cao của CCHC, biên chế chưa tương xứng với khối lượng công việc được giao và ngày càng giảm). Với sự nỗ lực, quyết tâm, các cơ quan, đơn vị về cơ bản đã triển khai đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ CCHC được giao, đạt được nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực, nội dung CCHC, đó là: Ý thức trách nhiệm trong tổ chức thực hiện CCHC của từng cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là người đứng đầu; kỷ luật, kỷ cương CCHC được tăng cường; tình hình, kết quả thực hiện CCHC được theo dõi, đánh giá thường xuyên; thể chế quản lý nhà nước về CCHC được quan tâm hoàn thiện; các lỗi vi phạm về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa trong giải quyết hồ sơ TTHC về cơ bản giảm so với các năm trước; chất lượng giải quyết hồ sơ trên phần mềm có chuyển biến tích cực trên hầu hết các nội dung đánh giá; công tác quản lý nhà nước về tài chính công tiếp tục được thực hiện đúng quy định; hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đẩy mạnh, hỗ trợ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan;…

Bên cạnh các ưu điểm trên, công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót, vi phạm cần tiếp tục được rà soát, chấn chỉnh, tháo gỡ trong thời gian tới, tập trung chủ yếu ở nội dung giải quyết hồ sơ TTHC, chấp hành quy trình về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết hồ sơ TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Xét báo cáo và kiến nghị của Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh[9], UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, khắc phục 41 hạn chế, thiếu sót, vi phạm đã được phát hiện qua kiểm tra CCHC năm 2022[10]. Đến nay, tất cả cơ quan, đơn vị đã báo cáo kết quả khắc phục đúng thời gian, đầy đủ nội dung và đảm bảo chất lượng.

**3. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn CCHC**

UBND tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC tỉnh năm 2023[11], đề ra 04 mục tiêu, 03 yêu cầu, 19 nội dung chủ yếu. Công tác tuyên truyền CCHC tiếp tục được tỉnh Khánh Hòa triển khai quyết liệt, đồng bộ, tập trung chuyển tải trọng tâm và quyết tâm CCHC của tỉnh; tiếp tục củng cố, tăng cường sự ủng hộ của cá nhân, tổ chức đối với công tác CCHC; thống nhất nhận thức, hành động trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền.

Các cơ quan, đơn vị tiếp tục quán triệt, tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bằng hình thức trực quan, trên cổng/trang thông tin điện tử, thông qua các hội nghị, hội thảo, đối thoại, báo, đài, mạng xã hội,… Thống nhất tuyên truyền trực quan tại Bộ phận Một cửa các khẩu hiệu: "Sự hài lòng của Nhân dân là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước"; "Dân chủ, nhanh gọn, đúng luật"; "Hãy nộp hồ sơ điện tử để giảm giấy tờ, thời gian và chi phí";… Quán triệt, tuyên truyền Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh

---

[9] Báo cáo số 4116/BC-UBND ngày 30/12/2022 của Đoàn Kiểm tra CCHC tỉnh
[10] Công văn số 290/UBND-KSTT ngày 10/01/2023 của UBND tỉnh
[11] Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 31/01/2023của UBND tỉnh

và xác thực điện tử; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ và 07 phương thức khai thác, sử dụng thông tin công dân trên thẻ Căn cước công dân gắn chíp hoặc trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay thế cho việc xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công.

Đài Phát thanh-Truyền hình Khánh Hòa thực hiện 12 chuyên mục CCHC, lồng ghép nội dung tuyên truyền trong các chuyên đề, chuyên mục xây dựng Đảng, Kinh tế, Thuế, Công đoàn,... Hệ thống Đài Truyền thanh-Truyền hình cấp huyện, Đài Truyền thanh cấp xã phối hợp với các cơ quan thực hiện hơn 200 chuyên mục, tin bài tuyên truyền CCHC. Báo Khánh Hòa đăng tải hơn 40 tin, bài về công tác CCHC; phản ánh kịp thời, sinh động tình hình, kết quả CCHC. Cổng thông tin điện tử CCHC tỉnh đăng tải 417 tin bài, thu hút 55.598 lượt truy cập, tổng cộng từ trước đến nay đã đăng tải 4.003 tin bài, thu hút 33.432.590 lượt truy cập.

**4. Khảo sát hài lòng và đánh giá xếp hạng CCHC**

UBND tỉnh hoàn thành kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022, với 23.179 phiếu khảo sát. Kết quả mức độ hài lòng trung bình của các khối cơ quan đạt từ 80,30% - 82,77%, cụ thể: Khối cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong đạt 82,77%; khối UBND cấp huyện đạt 82,36%; khối Bảo hiểm xã hội đạt 82,67%; khối Công an đạt 82,74%; khối Kho bạc Nhà nước đạt 82,65%; ngành Hải quan đạt 81,54%; Ngân hàng Nhà nước tỉnh đạt 81,47%; khối cơ quan Thuế đạt 80,60%; khối Văn phòng Đăng ký đất đai đạt 80,30%; khối bệnh viện đa khoa, chuyên khoa đạt 81,45%; khối phòng khám đa khoa đạt 82,44%; khối UBND cấp xã đạt 82,67%, khối trạm y tế cấp xã đạt 82,13%.

Chất lượng thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị năm 2022 tiếp tục có những chuyển biến tích cực, với 30/43 cơ quan, đơn vị xếp hạng Tốt về CCHC (chiếm tỉ lệ 69,77%), 13/43 cơ quan xếp hạng Khá (chiếm tỉ lệ 30,23%); đây là năm đầu tiên ghi nhận không có cơ quan, đơn vị xếp hạng Trung bình hoặc Yếu kể từ khi UBND tỉnh triển khai đánh giá, xếp hạng CCHC đến nay.

**5. Tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC, nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao**

Tính đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh đã hoàn thành 06/64 nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch, đảm bảo tiến độ và hiệu quả, cụ thể: Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC tỉnh năm 2023; ban hành Chương trình phát triển nguồn nhân lực năm 2023; công bố Chỉ số và xếp hạng kết quả CCHC năm 2022 của các cơ quan, đơn vị; tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2022; tổ chức hội nghị tổng kết công tác CCHC tỉnh năm 2022 và triển khai Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2023; ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 18/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Các nhiệm vụ còn lại đang được triển khai theo tiến độ đề ra của tỉnh, trung ương.

Trong quý I/2023, UBND tỉnh Khánh Hòa nhận được 47 nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; kết quả rà soát, thống kê có 02 nhiệm vụ đã hoàn

thành đúng hạn, 04 nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành, 41 nhiệm vụ vẫn đang trong hạn giải quyết.

**6. Mô hình, sáng kiến, giải pháp CCHC mới**

Kể từ ngày 01/10/2022, tỉnh Khánh Hòa đưa vào vận hành "Hệ thống phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa" tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân tại địa chỉ https://tuongtac.khanhhoa.gov.vn, https://pakn.khanhhoa.gov.vn hoặc ứng dụng "PAKN Khánh Hòa" trên thiết bị di động thông minh. Hệ thống kết nối, tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với các cấp chính quyền trong tỉnh một cách hiệu quả trên môi trường mạng. Người dân, doanh nghiệp có thể gửi phản ánh, kiến nghị về tất cả vấn đề diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh trên hầu hết các lĩnh vực trong đời sống. Tính đến thời điểm hiện tại, hệ thống đã tiếp nhận và chuyển 117 phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, bước đầu cho thấy hệ thống khá hiệu quả, người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, sử dụng hệ thống để gửi phản ánh, kiến nghị; các cơ quan quản lý nhà nước rất thuận lợi trong việc theo dõi, quản lý quá trình tiếp nhận, phối hợp xử lý, trả lời các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

Trong những ngày cuối tháng 12/2022, tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức khai trương 05 điểm hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến (Highland Trần Viễn Đông; Cà phê Hòn Kiến; Cà phê Napoli; Nhà sinh hoạt cộng đồng phường Phương Sài; Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Vĩnh Điềm Trung), góp phần hình thành các không gian công cộng, kết nối cộng đồng dân cư, có đầu mối giới thiệu, hướng dẫn và hỗ trợ tiếp cận dịch vụ công trực tuyến theo mô hình xã hội hóa.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

### 1. Cải cách thể chế

a) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (gọi tắt là VBQPPL)

Việc xây dựng và ban hành VBQPPL được tỉnh Khánh Hòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh ban hành 10 quyết định quy phạm pháp luật, thể chế kịp thời các chính sách của trung ương, chủ trương của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, tăng cường kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả quản lý đối với các ngành, lĩnh vực góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gồm:

- Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 về việc sửa đổi Điều 1 Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh quy định bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ viễn thông, truyền hình, điện, nước sinh hoạt khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 ban hành quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 ban hành quy định quản lý hoạt động của xe ô tô vận tải trung chuyển hành khách trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 ban hành quy định về

hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; điều kiện tách thửa, hợp thửa theo từng loại đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 ban hành khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Khu kinh tế Vân Phong.

- Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 05/01/2023 ban hành quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Khu kinh tế Vân Phong.

- Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của UBND cấp tỉnh, cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của UBND cấp xã quản lý.

- Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 sửa đổi Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật (gọi tắt là TDTHTHPL)

Triển khai thực hiện Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 28/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch TDTHTHPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch TDTHTHPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023 trên địa bàn tỉnh[12]; trong đó lĩnh vực theo dõi trọng tâm, liên ngành năm 2023 là về giá, về bảo đảm an sinh xã hội. Trên cơ sở kế hoạch chung của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch triển khai công tác TDTHTHPL năm 2023, đưa công tác này đi vào nề nếp, góp phần thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước tại địa bàn.

c) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật

UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch công tác phổ biến giáo dục pháp luật (gọi tắt là PBGDPL), hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023[13]. Trên cơ sở đó, Sở Tư pháp ban hành kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, trong đó có nội dung kiểm tra, đánh giá việc PBGDPL về CCHC, cải cách thể chế tại các cơ quan, đơn vị được lựa chọn kiểm tra.

---

[12] Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh

[13] Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh

Trong tháng 01/2023, UBND tỉnh đã tổ chức hội nghị giới thiệu VBQPPL mới cho cán bộ chủ chốt của tỉnh lần thứ I năm 2023 cho hơn 120 đại biểu là lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, trường học thuộc tỉnh, đội ngũ cán bộ pháp chế, báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, qua đó góp phần nâng cao nhận thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ pháp chế; tổ chức thi hành pháp luật gắn với thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, CCHC của tỉnh. Tháng 3/2023, Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh đã họp tổng kết hoạt động năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023, trong đó đã đánh giá việc PBGDPL về CCHC, cải cách thể chế của các cơ quan, đơn vị được lựa chọn kiểm tra trong năm 2022.

d) Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL

Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL được thực hiện nghiêm túc, đạt chất lượng, VBQPPL do tỉnh ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục. UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch công tác kiểm tra, xử lý VBQPL và kế hoạch công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2023[14]. Căn cứ các kế hoạch trên, các sở, UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2023 và triển khai thực hiện trong toàn cơ quan, đơn vị.

Căn cứ vào các VBQPPL của trung ương, tình hình thực tiễn của địa phương, các cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát các VBQPPL của UBND tỉnh, HĐND tỉnh tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế văn bản theo đúng quy định. Tổng số VBQPPL đã rà soát là 15 văn bản, số văn bản cần xử lý sau rà soát: 09 văn bản, số văn bản có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong: 09 văn bản.

d) Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

Xác định cải cách thể chế là khâu then chốt, tiền đề, gỡ các nút thắt để phát triển, trong kỳ, UBND tỉnh ban hành và tập trung chỉ đạo đồng bộ chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nổi bật như: Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; kế hoạch về tổ chức hội nghị công bố quy hoạch và xúc tiến đầu tư tỉnh Khánh Hòa năm 2023; đề án chiến lược kích cầu du lịch Khánh Hoà giai đoạn năm 2023- 2025 và định hướng đến năm 2030;... Tỉnh Khánh Hòa đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hoà đến năm 2040, tầm nhìn 2050.

Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh đã tổ chức 03 hội nghị quan trọng, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh, đó là: Đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp, nhà đầu tư lần 2 năm 2022 vào ngày 13/12/2022; gặp mặt các doanh nghiệp du lịch đầu năm 2023 vào ngày 17/2/2023; xúc tiến hợp tác Ấn Độ và các tỉnh Nam Trung Bộ năm 2023 tại tỉnh Khánh Hòa vào ngày 01-02/3/2023.

Ngành Hải quan tiếp tục duy trì thực hiện "Tổ tư vấn cấp Cục, cấp Chi cục"; thực hiện bản cam kết không phân biệt đối xử, thực hiện bình đẳng, minh bạch hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận trong TTHC thuộc ngành, lĩnh vực cơ quan

---

[14] Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 và 3620/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh

phụ trách. Ngành Thuế duy trì thực hiện chương trình "Đồng hành cùng Doanh nghiệp khởi nghiệp". Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục thực hiện bản cam kết không phân biệt đối xử, thực hiện bình đẳng, minh bạch trong tiếp cận tài liệu pháp lý, quy hoạch, ngân sách, danh mục dự án thu hút đầu tư, danh mục dự án đầu tư công trung hạn, thực hiện TTHC. Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tạo lập Mục "Hỏi - Đáp" trên trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;...

**2. Cải cách TTHC**

a) Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2023[15], chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường kiểm soát chất lượng quy định TTHC; công bố, công khai TTHC; đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; kiểm soát TTHC; rà soát, đánh giá TTHC; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC; tuyên truyền TTHC;... Ban hành danh mục 129 TTHC thực hiện rà soát, đơn giản hóa trọng tâm năm 2023.

b) Cập nhật số lượng TTHC

UBND tỉnh công bố đầy đủ, kịp thời danh mục TTHC do các bộ, ngành trung ương công bố, đồng thời phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo tiêu chuẩn ISO. Trên cơ sở đó, tiến hành chuẩn hóa, cập nhật đồng bộ cơ sở dữ liệu về quy trình TTHC để công khai, tiếp nhận và giải quyết. Tất cả TTHC, quy trình TTHC được tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Trung tâm Dịch vụ công trực tuyến tỉnh đúng quy định.

Thống kê trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh ban hành 18 quyết định công bố cập nhật danh mục TTHC, trong đó ban hành mới 34 thủ tục, sửa đổi, bổ sung 156 thủ tục, bãi bỏ 22 thủ tục; ban hành 10 quyết định phê duyệt 35 quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh. Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh là 1.985 thủ tục, bao gồm cả TTHC của các cơ quan ngành dọc được tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp (trong đó: cấp tỉnh: 1.460; cấp huyện: 327; cấp xã: 198); tổng số quy trình nội bộ giải quyết TTHC là 2.229 quy trình. Tất cả TTHC được tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến đúng quy định.

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Hiện trạng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại tỉnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

* Về số lượng các cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 100% cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh và cơ quan ngành dọc của trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đủ điều kiện. Cụ thể:

- Cấp tỉnh: 21/21 cơ quan (bao gồm Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong);

---

[15] Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh

- Cấp huyện: 08/09 UBND huyện (huyện Trường Sa chưa có nhu cầu);

- Cấp xã: 136/139 UBND xã (03 xã thuộc huyện Trường Sa chưa có nhu cầu);

- Cơ quan ngành dọc: 06/06 cơ quan ngành dọc, gồm: Cục Thuế tỉnh và các Chi cục trực thuộc; Bảo hiểm xã hội tỉnh và các đơn vị trực thuộc; Công an tỉnh và Công an huyện; Cục Hải quan tỉnh và các Chi cục trực thuộc; Kho bạc Nhà nước tỉnh và Kho bạc Nhà nước cấp huyện; Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh.

* Về tổ chức Bộ phận Một cửa: Bộ phận Một cửa tại các cơ quan, đơn vị được cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng mới để đảm bảo yêu cầu về diện tích phòng làm việc và điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc theo quy định. UBND tỉnh đã ban hành quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa[16], dự kiến đi vào hoạt động kể từ ngày 01/06/2023.

* Về thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được quét, gắn tệp lưu trữ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tuy nhiên vẫn chưa đầy đủ quy trình số hóa theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Theo thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỉ lệ hồ sơ kết quả TTHC điện tử của Khánh Hòa là 52,28%; tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 51,96%; tỉ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu thông tin đạt 0,64% (545 hồ sơ).

**** Về kết quả giải quyết hồ sơ TTHC***:

- Khối cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tiếp nhận 128.153 hồ sơ, đã giải quyết và trả kết quả 110.812 hồ sơ, trong đó đúng hạn 109.912 hồ sơ (99,19%), trễ hạn 900 hồ sơ (0,81%). Tỉ lệ hồ sơ đúng hạn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh là 99,37%, UBND cấp huyện là 95,80%, UBND cấp xã là 99,60%.

- Khối cơ quan ngành dọc tiếp nhận 660.559 hồ sơ, đã giải quyết và trả kết quả 660.701 hồ sơ, trong đó: đúng hạn 660.382 hồ sơ, đạt tỉ lệ 99,95%; trễ hạn 319 hồ sơ, chiếm tỉ lệ 0,05%. Tỉ lệ hồ sơ đúng hạn của ngành Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh đạt 100%; tỉ lệ hồ sơ đúng hạn của ngành Thuế, Công an, Bảo hiểm xã hội lần lượt là 99,98%, 99,94%, 99,92%.

**** Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC***: Việc tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị, thắc mắc của cá nhân, tổ chức về quy định TTHC trên Hệ thống Phản ánh kiến nghị Cổng Dịch vụ công quốc gia được thực thiện đúng quy định. Đã tiếp nhận 34 phản ánh, kiến nghị, đã giải quyết và công khai 32 phản ánh, kiến nghị; đang trong hạn giải quyết 02 phản ánh, kiến nghị.

**** Về kết quả thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC***: Các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện đánh giá việc giải quyết TTHC theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

---

[16] Quyết định số 3657/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh

**3. Cải cách tổ chức bộ máy**

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan, đơn vị

Ngay sau khi thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành có hiệu lực, UBND tỉnh chỉ đạo triển khai, kịp thời ban hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và ban hành các hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Đồng thời, chỉ đạo UBND cấp huyện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo quy định. Tính đến thời điểm hiện tại, 18 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong được UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo hướng dẫn mới của trung ương; hiện còn 02 cơ quan là Thanh tra tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa có hướng dẫn; ban hành hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn 06 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

UBND tỉnh tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, phê duyệt danh mục vị trí việc làm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Trong kỳ báo cáo, đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc UBND cấp huyện, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trực thuộc UBND cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Tính đến thời điểm hiện tại, tất các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đã được phê duyệt vị trí việc làm.

Về sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định: Kiện toàn Văn phòng điều phối Nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; bổ sung, điều chỉnh kiện toàn Văn phòng điều phối Nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc UBND cấp huyện; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; thành lập lực lượng kiểm ngư và sắp xếp cơ cấu tổ chức Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; kiện toàn Trung tâm Y tế thành phố Nha Trang; thành lập Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Khánh Hòa; sáp nhập Bệnh viện Giao thông vận tải Nha Trang vào Bệnh viện Ung bướu tỉnh Khánh Hòa. Đã ban hành phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa giai đoạn 2022-2025; triển khai thực hiện giải thể Ban Quản lý Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh; xây dựng và trình Đề án tổ chức lại Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh.

UBND tỉnh đã tạm giao tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trực thuộc UBND thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh năm học 2022-2023.

b) Thực hiện phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước

Tỉnh Khánh Hòa tiếp tục rà soát, đánh giá tình hình thực tiễn, nhiệm vụ cần phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Trình HĐND tỉnh Đề án phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; bãi bỏ Quyết định số 3852/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh về ủy quyền phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị quản lý

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá tình hình thực tiễn, công tác triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã và đang được triển khai thực hiện theo lộ trình phù hợp.

Về cơ bản, công tác rà soát, sắp xếp tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh được thực hiện đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành, phù hợp với yêu cầu của tình hình thực tiễn. Tính đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh có 615 đơn vị sự nghiệp công lập (thuộc UBND tỉnh 07 đơn vị; thuộc các sở, ngành và tương đương 109 đơn vị; thuộc UBND cấp huyện 499 đơn vị), giảm 68 đơn vị so với năm 2015 (tương đương 9,95%).

d) Thực hiện rà soát, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định

UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát quy mô số hộ gia đình các thôn, tổ dân phố để xây dựng phương án sắp xếp đối với các thôn, tổ dân phố không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định[17]. Trên cơ sở kết quả rà soát, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện điều chỉnh, sáp nhập các thôn, tổ dân phố chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định[18]. Tại kỳ họp chuyên đề tháng 12/2022, HĐND tỉnh đã thông qua nghị quyết về việc sáp nhập, đặt tên một số thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh, theo đó đã điều chỉnh, sắp xếp, sáp nhập 45 tổ dân phố và 14 thôn để thành lập 24 tổ dân phố và 07 thôn (giảm 21 tổ dân phố và 07 thôn), cụ thể trên các địa bàn: Thành phố Nha Trang sáp nhập 12 tổ dân phố thành 06 tổ dân phố (giảm 06 tổ dân phố); thành phố Cam Ranh điều chỉnh, sắp xếp, sáp nhập 18 tổ dân phố và 04 thôn thành 10 tổ dân phố và 02 thôn (giảm 08 tổ dân phố và 02 thôn); thị xã Ninh Hòa sáp nhập 04 thôn thành 02 thôn (giảm 02 thôn); huyện Vạn Ninh sáp nhập 06 tổ dân phố và 06 thôn thành 03 tổ dân phố và 03 thôn (giảm 03 tổ dân phố và 03 thôn); huyện Cam Lâm điều chỉnh sắp xếp, sáp nhập 09 tổ dân phố thành 05 tổ dân phố (giảm 04 tổ dân phố). Tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh sau khi

---

[17] Công văn số 1684/UBND-TH ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh

[18] Công văn số 6138/UBND-TH ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh

thực hiện sáp nhập là 943 (gồm 475 thôn, 468 tổ dân phố), giảm 07 thôn, 21 tổ dân phố.

**4. Cải cách chế độ công vụ**

a) Xây dựng, ban hành quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Trên cơ sở vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm, tỉnh Khánh Hòa đã hướng dẫn các cơ quan, đơn vị rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, phát huy sở trường của từng vị trí; cải thiện chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, làm tiền đề để nâng cao hiệu quả công việc chung của các cơ quan, đơn vị.

b) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Trong quý I/2023, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tổ chức tuyển dụng viên chức sự nghiệp đảm bảo đúng quy trình và thẩm quyền theo phân cấp quản lý; trong quá trình triển khai tổ chức tuyển dụng viên chức không xảy ra sai phạm và không phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển dụng. UBND tỉnh cho ý kiến thống nhất việc tiếp nhận vào làm viên chức đối với 08 trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn thuộc Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng (trực thuộc UBND thị xã Ninh Hòa). Theo thẩm quyền, Giám đốc Sở Nội vụ đã phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp thuộc các cơ quan Sở Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND thành phố Cam Ranh, UBND huyện Khánh Sơn; kế hoạch tuyển dụng viên chức thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đối với công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện kịp thời, hiệu quả, đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn cũng như quy trình, thủ tục theo quy định hiện hành. Thực hiện đúng quy định việc bổ nhiệm vào ngạch/chức danh nghề nghiệp, xếp lương cho công chức, viên chức theo quy định pháp luật và phân cấp quản lý. Cử công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia các kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp do các bộ, ngành tổ chức.

c) Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quán triệt, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 15/CT-UBND về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng tham mưu chuyên môn và tổ chức các cuộc họp xử lý công việc thường xuyên của lãnh đạo UBND tỉnh. Chỉ thị yêu cầu các cơ quan, đơn vị chấp hành nghiêm và thực hiện hiệu quả các nội dung về công tác tham mưu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng hội họp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả, thời gian và chất lượng giải quyết công việc. Bên cạnh đó, từ kết quả kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc thực hiện nhiệm vụ và hoạt động của các cơ quan, đơn vị[19].

---

[19] Văn bản số 530/UBND-TH ngày 16/01/2023 của UBDN tỉnh

đ) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa năm 2023; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2023. Các cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch cụ thể của cơ quan, đơn vị phù hợp với tình hình thực tiễn; các nội dung về đào tạo, bồi dưỡng hiện đang được triển khai theo tiến độ. Trong quý I/2023, tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức 01 lớp chuyên viên, 01 lớp chuyên viên chính; tuyển sinh lớp Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đô thị thông minh và sáng tạo do Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh đào tạo (38 thí sinh).

e) Thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài vào làm việc tại cơ quan nhà nước

Ngày 23/09/2022, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND quy định chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nhân tài trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Theo đó, một số chế độ về thu hút nhân tài đối với người có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ phù hợp với các chuyên ngành thuộc danh mục ngành nghề thu hút của tỉnh, nhân lực ngành y tế, chuyên gia các ngành trọng điểm của tỉnh, đã có điều chỉnh, thay đổi để phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

**5. Cải cách tài chính công**

a) Tình hình, kết quả thực hiện về quản lý, sử dụng tài sản công

Căn cứ Luật Ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục nâng cao hiệu quả lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng chế độ quy định; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Các chính sách, chế độ của trung ương ban hành liên quan về tài chính, ngân sách được triển khai kịp thời đến các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thực hiện. Đối với chế độ, chính sách của địa phương ban hành, UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng thời luôn đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của địa phương.

Trong kỳ, UBND tỉnh ban hành 02 quyết định quy phạm pháp luật về lĩnh vực quản lý tài chính ngân sách, gồm: Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của UBND cấp tỉnh, cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của UBND cấp xã quản lý.

b) Thực hiện các quy định về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước (gọi tắt là NSNN) theo kế hoạch được giao: Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện trong tháng 02/2023 là 1.260 tỷ đồng, lũy kế thực hiện 2.822 tỉ đồng, đạt 18,3% dự toán (vượt 1,6% so với tiến độ thu theo dự toán, số tuyệt đối tăng 247 tỷ đồng) và bằng 97,1% so với cùng kỳ năm 2022.

- Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công: Tính đến hết tháng 02/2023, tỉ lệ giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đạt 9,4%. Chi tiết giải ngân theo từng nguồn vốn như sau: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giải ngân đạt 10,2% kế hoạch; nguồn vốn trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước) giải ngân đạt 12,5% kế hoạch; nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (cấp phát từ ngân sách trung ương) và nguồn vốn đầu tư từ nguồn bội chi (nguồn vốn vay lại Chính phủ để thực hiện các dự án ODA) chưa giải ngân.

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: UBND tỉnh đã có Văn bản số 12974/UBND-KT ngày 27/12/2022 báo cáo Kiểm toán Nhà nước Khu vực VIII (số liệu đến ngày 30/11/2021); theo đó Tổng số kiến nghị của Kiểm toán là 2.994.785.712.39 đồng, đến thời điểm báo cáo đã thực hiện được 2.553.873.453.915 đồng (đạt tỉ lệ 86,7%); chưa thực hiện 390.912.258.476 đồng (chiếm tỉ lệ 13,3%).

c) Tình hình, kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị đã phối hợp thẩm định phương án tự chủ tài chính theo Nghị định mới, kết quả:

- Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo): 09 đơn vị.

- Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo): 30 đơn vị.

- Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo): 96 đơn vị, trong đó:

+ Tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên: 06 đơn vị;

+ Tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên: 37 đơn vị;

+ Tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên: 53 đơn vị.

- Số đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo): 500 đơn vị.

- Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo): 0 đơn vị.

d) Kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về ban hành chương trình của tỉnh Khánh Hoà về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023.

**6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, UBND tỉnh ban hành các kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin: Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh năm 2023; kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh năm 2023; kế hoạch triển khai chuyển đổi hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2023 - 2025.

UBND tỉnh đã ban hành các quyết định: Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh; ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Họp trực tuyến tỉnh

Khánh Hòa; giao quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống GIS Khánh Hòa, quyết định thành lập Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử GIS Khánh Hòa; kế hoạch triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh (100% thôn/tổ dân phố thành lập Tổ công nghệ số với 6.901 thành viên).

Hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh đã được nâng cấp đáp ứng nhu cầu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành được an toàn, thông suốt. 08/08 UBND cấp huyện tiếp tục đạt mức 1 (mức cao nhất) về điều kiện sẵn sàng xây dựng chính quyền điện tử. Ở cấp xã, trong số 128 UBND cấp xã được xếp hạng, có 65 cơ quan cấp xã đạt mức 1, 52 cơ quan đạt mức 2, 07 cơ quan đạt mức 3, 02 cơ quan đạt mức 4. 100% cơ quan hành chính đều có cổng/trang thông tin điện tử, cung cấp thông tin và các dịch vụ hành chính công đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin và giải quyết TTHC của cá nhân, tổ chức. Tính đến thời điểm hiện tại, 5.947 tài khoản thư điện tử công vụ được cấp phát cập nhật cho cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức, tạo ra cơ chế trao đổi thông tin, dữ liệu, phối hợp nghiệp vụ, giảm hội họp giấy tờ, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý, điều hành. Đến nay, 100% người dân, doanh nghiệp tham gia các hệ thống thông tin của tỉnh, hệ thống chuyên ngành, lĩnh vực đều được xác thực định danh điện tử; 100% giao dịch trên Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến được xác thực điện tử.

Tỉnh Khánh Hòa đã triển khai kết nối, tích hợp các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu của bộ, ngành trung ương với Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh phục vụ việc giải quyết TTHC các cơ quan, đơn vị, bao gồm:

- Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Nền tảng thanh toán Cổng Dịch vụ công quốc gia; dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện TTHC về đất đai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an);

- Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp);

- Hệ thống dịch vụ công vận tải đường bộ của Bộ Giao thông vận tải;

- Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (EMC);

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung trên toàn quốc của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với dịch vụ công "Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)";

- Hệ thống quản lý đất đai (VBDLIS) của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

Đồng thời, kết nối liên kết dữ liệu đến các hệ thống: Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam); Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN).

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (E-Office) được triển khai đồng bộ và liên thông đến 100% các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã. Hệ thống cho phép xử lý và gửi/nhận văn bản điện tử qua môi trường mạng, liên thông văn bản điện tử giữa 03 cấp hành chính tỉnh - huyện - xã và liên thông văn bản theo chiều ngang giữa các cơ quan hành chính cùng cấp. Hệ thống đã kết nối trục liên thông văn bản quốc gia. Trong quý I/2023, tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt 76,50%.

Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được xây dựng hoàn thiện tại địa chỉ https://baocao.khanhhoa.gov.vn, cập nhật 20 biểu mẫu báo cáo thống nhất theo quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh; đã hoàn thành chức năng kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia. Đã triển khai nâng cấp và đưa hệ thống họp trực tuyến vào vận hành, sử dụng tại UBND tỉnh, UBND cấp huyện; triển khai mở rộng hệ thống họp trực tuyến đến các sở, ban, ngành và UBND cấp xã.

**** Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến***:

- Khối cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã: Tiếp nhận 47.456 hồ sơ trực tuyến trên tổng số 81.215 hồ sơ của TTHC công bố thực hiện trực tuyến có phát sinh hồ sơ, đạt tỉ lệ 58,43%. Đã phát sinh 19.777 lượt giao dịch thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính, với số tiền 47.798.705.169 đồng (trong đó: thanh toán nghĩa vụ tài chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia 5.562 lượt, với số tiền 46.968.536.169 đồng; thanh toán trực tuyến phí, lệ phí qua Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh 14.215 lượt, với số tiền 830.169.000 đồng).

- Khối cơ quan ngành dọc tiếp nhận: 507.208 hồ sơ trực tuyến trên tổng số 629.861 hồ sơ, đạt tỉ lệ 80,53%, trong đó: ngành Hải quan 8.901 hồ sơ, đạt tỉ lệ 100%; ngành Kho bạc Nhà nước 79.672 hồ sơ, đạt tỉ lệ 95,01%; ngành Bảo hiểm xã hội 22.627 hồ sơ, đạt tỉ lệ 83,89%; ngành Công an 338.903 hồ sơ, đạt tỉ lệ 78,18%; ngành Thuế 57.105 hồ sơ, đạt tỉ lệ 74,50%.

- Về tin nhắn tự động SMS (với 31 tình huống tin nhắn): Đã gửi 202.235 tin nhắn (trên tổng số 128.153 hồ sơ đã tiếp nhận) đến điện thoại di động của khách hàng, cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin mà cơ quan hành chính muốn gửi đến tổ chức, cá nhân trong suốt quá trình giải quyết TTHC, giảm phiền hà, giảm thời gian và chi phí đi lại cho khách hàng, góp phần nâng cao sự hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan nước.

Toàn tỉnh có 279 cơ quan hành chính nhà nước (gọi tắt là HCNN) trong 166 Hệ thống quản lý chất lượng (gọi tắt là HTQLCL) được xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015. Trong quý I/2023, tỉnh Khánh Hòa tiếp tục hướng dẫn 279 CQHCNN trong 166 HTQLCL ở 03 cấp tiếp tục khắc phục các điểm không phù hợp qua kiểm tra HTQLCL năm 2022, tiếp tục hoàn thiện bộ tài liệu hệ thống, tổ chức vận hành HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 theo hướng dẫn tại Bộ tài liệu được ban hành theo Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 11/5/2021, hướng dẫn áp dụng công nghệ thông tin trong việc lưu trữ tài liệu và hồ sơ ISO.

UBND tỉnh đã ban hành trong kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2023-2025. Tổ chức tìm hiểu thông tin, nghiên cứu lựa chọn mô hình hệ thống

ISO điện tử phù hợp hoạt động áp dụng HTQLCL và việc thực hiện các dịch vụ công tại các CQHCNN trong tỉnh Khánh Hòa để thực hiện đề xuất chủ trương cho việc xây dựng hệ thống ISO điện tử áp dụng tại các CQHCNN trong tỉnh. Thực hiện công tác đánh giá và lựa chọn tổ chức đào tạo cho việc tổ chức 03 lớp đào tạo về áp dụng HTQLCL cho cán bộ, công chức, viên chức trong các CQHCNN trong tỉnh (01 lớp đào tạo đánh giá nội bộ cho các CQHCNN cấp tỉnh và huyện; 02 lớp đào tạo kỹ năng vận hành áp dụng HTQLCL cho các CQHCNN cấp xã).

## III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Mặt tích cực

Trong quý I/2023, công tác CCHC của tỉnh Khánh Hòa đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra và tiếp tục được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, trực tiếp của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh. Trong quá trình triển khai CCHC có sự phân công, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các ngành, các cấp, các lĩnh vực, đặc biệt là sự phối hợp, tham gia đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan tham mưu CCHC. Ý thức trách nhiệm trong tổ chức thực hiện CCHC của các cơ quan và từng cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục có chuyển biến tích cực; kỷ luật, kỷ cương CCHC tiếp tục được tăng cường. Tình hình, kết quả thực hiện CCHC được theo dõi, đánh giá thường xuyên, chú trọng kết quả, hiệu quả thực chất, từ đó đã triển khai thực hiện kịp thời các mục tiêu, nhiệm vụ, đảm bảo tiến độ và kết quả.

Toàn bộ 07 giải pháp quản lý nhà nước về CCHC được triển khai đồng bộ, nề nếp, hiệu quả từ xây dựng chương trình, kế hoạch, phân công và phối hợp, kiện toàn đội ngũ tham mưu, đẩy mạnh tuyên truyền và tập huấn nghiệp vụ, kiểm tra, khảo sát sự hài lòng, đánh giá xếp hạng kết quả CCHC. Chỉ đạo, điều hành CCHC được triển khai quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực, nội dung, có ưu tiên những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách. Thể chế quản lý nhà nước về CCHC tiếp tục được hoàn thiện, cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu đề ra. Tỉ lệ hồ sơ trễ hạn giảm mạnh. Tỉ lệ hồ sơ trực tuyến tiếp tục đạt rất cao, vượt chỉ tiêu đề ra. Thanh toán trực tuyến phát sinh rất nhiều cả về số lượt và số tiền giao dịch. Thu ngân sách nhà nước đạt và vượt dự toán. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là chuyển đổi số tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, đạt được rất nhiều kết quả nổi bật.

### 2. Những hạn chế, thiếu sót, khó khăn

Công tác CCHC của tỉnh trong quý I/2023 vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót cần tiếp tục quan tâm chỉ đạo rà soát khắc phục, cải thiện: Việc tham mưu phân cấp, ủy quyền theo tinh thần Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội tuy được triển khai mạnh mẽ, nhìn chung đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng một số cơ chế, chính sách về đầu tư, kinh doanh có ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh của tỉnh còn chậm; công tác chỉ đạo, điều hành CCHC ở một số cơ quan, đơn vị tại một số thời điểm còn chưa sâu sát, chưa thường xuyên; việc tham mưu thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao chưa tốt, vẫn còn nhiệm vụ trễ hạn; TTHC trên hầu hết các lĩnh vực chưa được bộ, ngành trung ương tái cấu trúc để phù hợp hơn với xu thế DVCTT; việc giải quyết một số TTHC ở lĩnh vực tư pháp hộ tịch có xung đột với yêu cầu của lĩnh vực đăng ký quản lý cư trú, gây ra rất nhiều khó khăn, bức xúc cho người dân.

Qua kiểm tra công tác CCHC năm 2022 và công tác theo dõi thường xuyên vẫn còn một số cơ quan chưa tuân thủ nghiêm quy trình giải quyết hồ sơ TTHC, nhất là ở lĩnh vực đất đai có liên thông, xây dựng, tư pháp hộ tịch.

## IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG QUÝ II/2023

Căn cứ kế hoạch CCHC tỉnh năm 2023 và các chỉ đạo liên quan, trong quý II/2023, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Khánh Hòa. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với đẩy mạnh xã hội hóa. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện đề án tăng cường quản lý nhà nước trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh.

2. Tiếp tục triển khai toàn diện, hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến. Phấn đấu tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết sớm hạn, đúng hạn; tăng số lượng và tỉ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến. Đẩy mạnh rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực tham mưu quản lý. Tăng cường phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC. Đưa Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đi vào hoạt động, đồng thời ban hành quy định chế độ chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa các cấp.

3. Tiếp tục hoàn thiện vị trí việc làm trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định, hướng dẫn của trung ương; tinh giản biên chế theo lộ trình đã đề ra; sắp xếp các thôn, tổ dân phố chưa đủ điều kiện theo quy định.

4. Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định. Triển khai tổ chức thi tuyển công chức hành chính, thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức năm 2023.

5. Đổi mới cơ chế quản lý đối với đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sáng tạo; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Ban hành quy định đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Quản lý, vận hành, bảo đảm kỹ thuật an toàn thông tin Trung tâm dữ liệu tỉnh, hệ thống phần mềm dùng chung và hệ thống mạng diện rộng (WAN) của tỉnh.

7. Ban hành và triển khai kế hoạch kiểm tra, tập huấn nghiệp vụ CCHC, khảo sát hài lòng năm 2023.

## V. KIẾN NGHỊ

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai công tác CCHC ở địa phương trong thời gian tới, UBND tỉnh Khánh Hòa có một số kiến nghị sau:

1. Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành trung ương thực hiện tổng rà

soát để sửa đổi các thông tư, quyết định, văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú (phải chứng minh thông tin nơi cư trú trước khi xác nhận) khi thực hiện các TTHC, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Cơ sở dữ liệu khác, thực hiện đúng các quy định tại Luật Cư trú và Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Kiến nghị Bộ Tư pháp

Theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp, thủ tục xác nhận tình trạng hôn nhân đối với công dân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau thì công dân phải tự chứng minh về tình trạng hôn nhân của mình, trường hợp công dân không chứng minh được thì UBND cấp xã có văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi người đó đã từng đăng ký thường trú tiến hành kiểm tra, xác minh về tình trạng hôn nhân của người đó, nhưng nếu không nhận được kết quả xác minh thì công dân được phép cam đoan tình trạng hôn nhân của mình. Tuy nhiên, nếu công dân có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân ở những lần sau thì UBND cấp xã vẫn phải tiếp tục xác minh như lần đầu, việc này gây mất thời gian của công dân, tốn kém chi phí và kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, làm giảm sự hài lòng của công dân. Từ bất cập trên, UBND tỉnh kiến nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể về việc xác minh hồ sơ xác nhận tình trạng hôn nhân trong trường hợp công dân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau và nộp hồ sơ nhiều lần để giải quyết nhiều công việc khác nhau có yêu cầu giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC quý I/2023 của tỉnh Khánh Hòa.

UBND tỉnh Khánh Hòa kính báo cáo./.

***Nơi nhận:***
- Chính phủ (Kiến nghị - VBĐT);
- Các Bộ: Văn phòng CP, Tư pháp (Kiến nghị- VBĐT);
- TT. Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu (VBĐT);
- TT. HĐND tỉnh và các Ban (VBĐT);
- Các sở và BQLKKT Vân Phong (VBĐT);
- Các cơ quan ngành dọc của Trung ương (VBĐT);
- UBND cấp huyện, UBND cấp xã (VBĐT);
- Cổng TTĐT tỉnh, Cổng TT CCHC tỉnh (VBĐT);
- Đài PT-TH, Báo KH (VBĐT);
- Lưu: VT, DL. b.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tấn Tuân**

**PHỤ LỤC**
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I/2023 TẠI TỈNH KHÁNH HÒA**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

**Biểu mẫu số 01**
**Công tác chỉ đạo, điều hành Cải cách hành chính**

| STT | Chỉ tiêu thống kê (*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| **1.** | **Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành** (*Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt*) | Văn bản | 10 | |
| **2.** | **Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC** (*Lũy kế đến thời điểm báo cáo*) | | | |
| 2.1. | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 64 | |
| 2.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 06 | |
| **3.** | **Kiểm tra CCHC** | | | UBND tỉnh dự kiến tổ chức kiểm tra công tác CCHC trong quý II/2023 |
| 3.1. | Số sở, ngành đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 3.2. | Số UBND cấp huyện đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 3.3. | Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra | % | % | |
| 3.3.1 | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | 0 | |
| 3.3.2 | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | 0 | |
| **4.** | **Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy** | | | |
| 4.1. | Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 4.2. | Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra | % | 0 | |
| **5.** | **Thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao** | | | |
| 5.1. | Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | 47 | 41 nhiệm vụ chưa hoàn thành trong hạn |

| STT | Chỉ tiêu thống kê<br>(*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | **Đơn vị tính** | **Số liệu** | |
| 5.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | 02 | |
| 5.3. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | 0 | |
| 5.4. | Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành | Nhiệm vụ | 04 | |
| **6.** | **Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức** | Có = 1; Không = 0 | 0 | UBND tỉnh dự kiến ban hành kế hoạch điều tra, khảo sát hài lòng của người dân, tổ chức trong quý II/2023 |
| 6.1. | Số lượng phiếu khảo sát | Số lượng | | |
| 6.2. | Hình thức khảo sát | Trực tuyến = 0<br>Phát phiếu = 1<br>Kết hợp = 2 | | |
| **7.** | **Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp** | Không = 0<br>Có = 1 | 0 | **UBND tỉnh dự kiến chức hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư vào quý II và quý IV/2023** |

**Biểu mẫu số 02**
**Cải cách thể chế**

| STT | Chỉ tiêu thống kê<br>(*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | **Đơn vị tính** | **Số liệu** | |
| **1.** | **Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành** | Văn bản | 10 | |
| 1.1. | Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành | Văn bản | 10 | |
| 1.2. | Số VBQPPL do cấp huyện ban hành | Văn bản | 0 | |
| 1.3. | Số VBQPPL do cấp xã ban hành | Văn bản | 0 | |
| **2.** | **Kiểm tra, xử lý VBQPPL** | Văn bản | 0 | |
| 2.1. | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh | % | 0 | |
| 2.2. | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra | Văn bản | 0 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 2.2.1. | Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra | Văn bản | 0 | |
| 2.2.2. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 0 | |
| **3.** | **Rà soát VBQPPL** | Văn bản | 0 | |
| 3.1. | Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh | Văn bản | 15 | |
| 3.2. | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát | % | 100 | |
| 3.2.1. | Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát | Văn bản | 09 | |
| 3.2.2. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 09 | |

**Biểu mẫu số 03**

**Cải cách thủ tục hành chính**

| STT | Chỉ tiêu thống kê (*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| **1.** | **Thống kê TTHC** | | | |
| 1.1. | Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa | Thủ tục | 129 | |
| 1.2. | Số TTHC đã công bố mới | Thủ tục | 34 | |
| 1.3. | Số TTHC đã bãi bỏ, thay thế | Thủ tục | 156 | |
| 1.4. | Tổ số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương | Thủ tục | 1.985 | |
| 1.4.1. | Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc) | Thủ tục | 1.460 | |
| 1.4.2. | Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc) | Thủ tục | 327 | |
| 1.4.3. | Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc) | Thủ tục | 198 | |
| **2.** | **Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông** | | | |
| 2.1. | Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | 73 | |
| 2.2. | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | 294 | |
| 2.3. | Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính | Thủ tục | 0 | |
| **3.** | **Kết quả giải quyết TTHC** | | | |
| 3.1. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được tiếp nhận đúng hạn | % | 99,37 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | | | % | |
| 3.1.1. | Tổng số TTHC đã giải quyết xong | Hồ sơ | 53.203 | |
| 3.1.2. | Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn | Hồ sơ | 52.872 | |
| 3.2. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 95,80 % | |
| 3.2.1. | Tổng số TTHC đã giải quyết xong | Hồ sơ | 9.015 | |
| 3.2.2. | Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn | Hồ sơ | 8.637 | |
| 3.3. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 99,60 % | |
| 3.3.1. | Tổng số TTHC đã giải quyết xong | Hồ sơ | 48.594 | |
| 3.3.2. | Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn | Hồ sơ | 48.403 | |
| 3.4. | Tỷ lệ giải quyết PAKN về quy định TTHC | % | | 02 PAKN đang xử lý trong hạn |
| 3.4.1. | Tổng số PAKN đã tiếp nhận (*trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến*) | PAKN | 32 | |
| 3.4.2. | Số PAKN đã giải quyết xong | PAKN | 02 | |

**Biểu mẫu số 04**
**Cải cách tổ chức bộ máy**

| STT | Chỉ tiêu thống kê (*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| **1.** | **Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy** | | | |
| 1.1. | Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ | % | 100 | |
| 1.2. | Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ | % | 100 | |
| 1.3. | Số lượng ban quản lý trực thuộc UBND tỉnh | Ban | 03 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1.4. | Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập | Tổ chức | 116 | |
| 1.5. | Tổng số ĐVSNCL tại địa phương | Đơn vị | 615 | |
| 1.5.1. | *Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh* | *Đơn vị* | 07 | |
| 1.5.2. | *Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương* | *Đơn vị* | 109 | |
| 1.5.3. | *Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện* | *Đơn vị* | 499 | |
| 1.5.4. | *Số ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015* | % | 9,95 | |
| **2.** | **Số liệu về biên chế công chức** | | | |
| 2.1. | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 1.901 | |
| 2.2. | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 1.722 | |
| 2.3. | Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính | Người | 299 | |
| 2.4. | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 240 | |
| 2.5. | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | 11,20 | |
| **3.** | **Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập** | | | |
| 3.1. | Tổng số người làm việc được giao | Người | 22.035 | |
| 3.2. | Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 21.471 | |
| 3.3. | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 4.678 | |
| 3.4. | Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015 | % | 18,30 | |

**Biểu mẫu số 05**
**Cải cách chế độ công vụ**

| STT | Chỉ tiêu thống kê (*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| **1.** | **Vị trí việc làm của công chức, viên chức** | | | |
| 1.1. | Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | 21 | 100% |
| 1.2. | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, | 615 | 100% |

| STT | Chỉ tiêu thống kê<br>(*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | **Đơn vị tính** | **Số liệu** | |
| | | đơn vị | | |
| 1.3. | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| **2.** | **Tuyển dụng công chức, viên chức** | | | |
| 2.1. | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 0 | |
| 2.2. | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | 01 | |
| 2.3. | Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên | Người | 0 | |
| 2.4. | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 0 | |
| 2.5. | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | 09 | |
| **3.** | **Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển** *(lũy kế từ đầu năm)* | Người | 0 | |
| **4.** | **Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật** *(cả về Đảng và chính quyền)* | | | |
| 4.1. | Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật | Người | 0 | |
| 4.2. | Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | Người | 0 | |
| 4.3. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | Người | 0 | |
| 4.4. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật | Người | 01 | |

**Biểu mẫu số 06**
**Cải cách tài chính công**

| STT | Chỉ tiêu thống kê<br>(*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | **Đơn vị tính** | **Số liệu** | |
| **1.** | **Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công** | % | 6,33% | |
| 1.1. | Kế hoạch được giao | Triệu đồng | 4.147.658 | |
| 1.2. | Đã thực hiện | Triệu đồng | 262.379 | |
| **2.** | **Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSN tại địa phương** *(lũy kế đến thời* | | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê<br>(*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | **Đơn vị tính** | **Số liệu** | |
| | *điểm báo cáo)* | | | |
| 2.1. | Tổng số ĐVSN tại địa phương | Đơn vị | 635 | |
| 2.2. | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư | Đơn vị | 09 | |
| 2.3. | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | 30 | |
| 2.4. | Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên | Đơn vị | 96 | |
| 2.4.1. | *ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên* | *Đơn vị* | 06 | |
| 2.4.2. | *ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên* | *Đơn vị* | 37 | |
| 2.4.3. | *ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên* | *Đơn vị* | 53 | |
| 2.5. | Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | 500 | |
| 2.6. | Số ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (*lũy kế đến thời điểm báo cáo*) | Đơn vị | 0 | |

**Biểu mẫu số 07**

**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

| STT | Chỉ tiêu thống kê<br>(*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | **Đơn vị tính** | **Số liệu** | |
| **1.** | **Cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất** | Chưa = 0<br>Hoàn thành = 1 | 1 | Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa (Phiên bản 2.0) |
| **2.** | **Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến**<br>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện<br>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã | Chưa có = 0<br>2 cấp = 1<br>3 cấp = 2 | 2 | Đã hoàn thành việc nâng cấp hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến tỉnh. Hiện |

| STT | Chỉ tiêu thống kê<br>(*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | **Đơn vị tính** | **Số liệu** | |
| | | | | hệ thống đã được triển khai đồng bộ giữa các cấp tỉnh - huyện - xã. |
| **3.** | **Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia** | % | 4/4 | |
| **4.** | **Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)** | Chưa = 0<br>Đang làm = 1<br>Hoàn thành = 2 | 2 | - Tỉnh Khánh Hòa đang sử dụng dịch vụ LGSP trên hệ thống NGSP của Bộ Thông tin và Truyền thông;<br>- Dự án Xây dựng và phát triển Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 15/11/2022. |
| **5.** | **Số liệu về trao đổi văn bản điện tử** | | | |
| 5.1. | Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã | | | |
| 5.1.1. | Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh | % | 100 | 68 đơn vị |
| 5.1.2. | Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND cấp tỉnh | % | 100 | 08 huyện, thị xã, thành phố |
| 5.1.3. | Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND cấp huyện | % | 100 | 136 xã, phường, thị |

| STT | Chỉ tiêu thống kê<br>(*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | **Đơn vị tính** | **Số liệu** | |
| | | | | trấn |
| 5.2. | Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử) | % | 76,50 | |
| 5.2.1. | Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh | % | 76,50 | |
| 5.2.2. | Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện | % | 76,50 | |
| 5.2.3. | Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã | % | 76,50 | |
| 5.3. | Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh | | | |
| 5.3.1. | Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | 100 | |
| 5.3.2. | Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | 100 | |
| 5.3.3. | Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | 100 | |
| **6.** | **Cung cấp dịch vụ công trực tuyến** | | | |
| 6.1. | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 | % | 100 | |
| 6.1.1. | Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3 | Thủ tục | 330 | |
| 6.1.2. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 | Thủ tục | 330 | |
| 6.1.3. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến | Thủ tục | 126 | |
| 6.2. | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 | % | 100 | |
| 6.2.1. | Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4 | Thủ tục | 310 | |
| 6.2.2. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 | Thủ tục | 310 | |
| 6.2.3. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến | Thủ tục | 207 | |
| 6.3. | Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia | % | 91,56%. | |
| 6.3.1. | Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương | Thủ tục | 640 | |
| 6.3.2. | Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia | Thủ tục | 586 | |
| 6.4. | Ty lệ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối | % | 58,4% | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê<br>(*Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm*) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ) | | | |
| 6.4.1. | Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến) | Hồ sơ | 81.215 | |
| 6.4.2. | Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến | Hồ sơ | 47.456 | |
| 6.5. | Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến | % | 100 | |
| 6.5.1. | Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...) | Thủ tục | 357 | |
| 6.5.2. | Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh | Thủ tục | 357 | |